

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 16 - 4 - 2019

V/v: Ly hôn, nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Xuân Thù;

Ông Trần Đình Phấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tùng - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2019/TLST – HNGĐ, ngày 10/01/2019 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/QĐST - NHGD ngày 26/3/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ 15, t X, huyện X, tỉnh Nam Định; “Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt”.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ 15, t X, huyện X, tỉnh Nam Định;” vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/12/2018, lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn H tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân đã được Ủy ban nhân dân thị trấn X, huyện X, tỉnh Nam Định cấp Giấy đăng ký kết hôn vào ngày 15/10/2004. Trong quá trình chung sống vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách, lối sống không hòa hợp,

bất đồng quan điểm, chị đã nhẫn nhịn để giữ gìn hạnh phúc gia đình nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã thực sự tan vỡ, không thể hàn gắn được hạnh phúc nên nguyện vọng của chị là được xin ly hôn anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Bùi H, sinh ngày 19/8/2005; Nguyễn Huệ L, sinh ngày 13/12/2006; hiện hai con đang ở với anh H. Khi ly hôn chị nhận nuôi cả hai con và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Ngày 12/3/2019 chị có đơn đề nghị xin thay đổi về việc nuôi con là chị nhường cho anh H tiếp tục nuôi con cũng như nguyện vọng của hai con xin được tiếp tục ở với anh H. Chị xin nhận cấp dưỡng nuôi mỗi con 1.000.000đ/tháng cùng anh H, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con thành niên.

Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 28/01/2019, lời khai trong quá trình tố tụng bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H trình bày về việc kết hôn cũng như mâu thuẫn là đúng. Sau khi lấy nhau vợ chồng sống hạnh phúc vui vẻ và sinh được hai con, nhưng sau đó vợ chồng sống không hạnh phúc. Chị H đi xuất khẩu lao động, không quan tâm gì đến chồng con, một mình anh phải gánh vác lo toan công việc gia đình và nuôi các con. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh, anh mong muốn chị H suy nghĩ lại để vợ chồng về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái, còn chị H quyết tâm xin ly hôn anh thì anh cũng nhất trí ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung chưa thành niên như chị H trình bày là đúng, hiện cả 2 con đang ở cùng anh. Khi ly hôn anh xin nhận nuôi cả hai con và yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh mỗi tháng là 2 triệu đồng cho đến khi con chung thành niên.

Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Anh không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết. Nhưng ngày 15/2/2019 anh có đơn đề nghị phân chia tài sản và Tòa án có lấy lời khai của anh Hóa, anh H trình bày:

Năm 2013, vợ chồng anh có vay của Phòng giao dịch ngân hàng chính sách huyện X số tiền là 10.000.000đ đồng; lãi suất 0,65%/ năm (vay theo hộ nghèo); vay về để chi tiêu sinh hoạt trong gia đình, anh là người trực tiếp ký vào sổ vay. Đến thời điểm này số tiền gốc vẫn chưa trả được, lãi đã trả đầy đủ hàng tháng.

Năm 2016, anh mua sữa cho con ở cửa hàng của chị Nguyễn Thị N ở xóm 2 (Cổng Đá), xã X, huyện X, tỉnh Nam Định hết 1.000.000đ; hiện vẫn còn nợ của chị Ng.

Năm 2018, anh có mua ở cửa hàng (bao gồm đồ sinh hoạt cho con, giấy dép) của bà Nguyễn Thị T ở tổ 15, thị trấn X, huyện Xuân T số tiền còn nợ là 700.000đ.

Năm 2016, chị H cầm của cụ Vũ Văn V là quan hệ bên nhà anh số tiền 43

triệu đồng là khoản tiền vợ chồng cầm để lo xây nhà cho cụ nhưng chưa xây được nhà cho cụ thì cụ V đã chết vào năm 2018. Khi cụ V mất đi thì các bác bên nhà mẹ anh là ông Vũ Văn Đ, ông Vũ Văn T đều ở xóm P, xã V, huyện T đòi anh; hiện số tiền này chị H đang quản lý việc chi tiêu như thế nào thì anh không biết. Vì vậy, anh yêu cầu chị H phải có trách nhiệm trả lại số tiền này cho ông Đ, ông T.

Năm 2014, vợ chồng tham gia 01 xuất phường tiền do bà Phạm Thị V ở xóm N, xã X, huyện X là chủ phường, một tháng góp một lần, mỗi xuất góp 1 triệu đồng, ai lấy rồi thì trả cho người lấy sau 1.100.000đ (lãi 100.000đ). Vợ chồng đã góp được 6 xuất. Sau khi góp được một thời gian lúc đó chị H còn ở nhà chờ để cưới em trai chưa đi tiếp xuất khẩu lao động, chị H rút số tiền này và gọi điện thông báo cho anh biết số tiền rút phường cho chị gái tên là Nguyễn Thị ở xóm N 2, xã X vay.

Năm 2017, bà Mai Thị T là mẹ đẻ của chị H có vay của vợ chồng anh 5 triệu đồng, vay không có giấy tờ, bà T nói là vay 1 tháng rồi trả, sau đó cũng không trả.

Sau khi anh H có đơn đề nghị phân chia tài sản, ngày 01 tháng 3 năm 2019 Tòa án đã Thông báo cho anh H nộp tiền tạm ứng án phí để xem xét yêu cầu của anh, nhưng anh H không nộp.

Tòa án mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải rất nhiều lần nhưng anh H không chấp hành theo giấy báo của Tòa án.

Kết quả xác minh thu thập chứng cứ tại Ủy ban nhân dân thị trấn X: Quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn H là quan hệ hôn nhân hợp pháp như chị H và anh H trình bày là đúng. Vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn do chị Hiệp đi lao động tại Trung Quốc ít khi về nhà; khi chị H về mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, do anh H nghi ngờ sự chung thủy của chị H, thiếu quan tâm đến gia đình. Căn cứ vào tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng cũng như chị Hiệp đã quyết tâm xin ly hôn anh H thì đề nghị Tòa án căn cứ các quy định của pháp luật để giải quyết ly hôn giữa chị H và anh H.

Về con chung: Như chị H và anh H trình bày là đúng. Nay anh H nhận nuôi cả hai con chung, chị H nhất trí để anh H nuôi con và nhận cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 2.000.000 đồng; đề nghị Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của các đương sự và con chung để giải quyết cho phù hợp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tại phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật và có đơn xin xét xử vắng mặt là phù hợp, bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật tiếp tục vắng mặt lần thứ hai nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy

định của pháp luật. Về nội dung: Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H đối với anh Nguyễn Văn H; căn cứ vào các Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân gia đình đề nghị Hội đồng xét xử: Giao anh Nguyễn Văn H tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 2 con chung chưa thành niên là Nguyễn Bùi H, sinh ngày 19/8/2005; Nguyễn Huệ L, sinh ngày 13/12/2006; chấp nhận việc chị H nhận cấp dưỡng nuôi con cùng anh H mỗi tháng là 2 triệu đồng thời điểm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con thành niên.

Về tài sản: Anh H có đơn phản tố yêu cầu chia sản nhưng không nộp tạm ứng án phí tài sản theo quy định của pháp luật nên Tòa án không xem xét điều chỉnh là phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật và tiếp tục vắng mặt lần thứ hai, vì vậy Hội đồng xét xử vắng mặt chị H và anh H theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn H là hợp pháp, được xác lập từ ngày 15/10/2004. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc do tính cách lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng không có sự chia sẻ trong cuộc sống. Nay chị H xin ly hôn anh H với lý do hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Anh H mong muốn chị H suy nghĩ lại để vợ chồng về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái, nếu chị H quyết tâm xin ly hôn thì anh cũng nhất trí. Xét nguyện vọng của anh H là xin đoàn tụ gia đình nhưng lại không có thiện chí hòa giải mâu thuẫn vợ chồng, mặc dù Tòa án đã tạo điều kiện nhiều lần để hòa giải nhưng anh H không đến Tòa án. Điều đó thể hiện bản thân anh H cũng không thiết tha mặn mà với cuộc sống chung của vợ chồng. Xét thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H đối với anh Nguyễn Văn H, cũng là phù hợp thực tế và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn H có 02 con chung chưa thành niên là Nguyễn Bùi H, sinh ngày 19/8/2005; Nguyễn Huệ L, sinh ngày 13/12/2006 đều đang ở với anh H. Nay ly hôn chị H nhường quyền cho anh H tiếp tục trực tiếp nuôi hai con và chị nhận cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H mỗi tháng là 2 triệu đồng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con thành niên. Khi ly hôn anh H xin nhận nuôi cả hai con và yêu

cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh mỗi tháng là 2 triệu đồng cho đến khi con thành niên. Xét nguyện vọng của đương sự là tự nguyện, hợp pháp và cũng phù hợp với nguyện vọng của cả 2 con chung nên Hội đồng xét xử sẽ tôn trọng và giao cho anh H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nuôi cả 2 con và chị H nhận cấp dưỡng nuôi 2 con cùng anh H mỗi tháng là 2 triệu đồng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con thành niên là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân gia đình và cũng là phù hợp với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.

[4] Về tài sản: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Còn anh H có đơn yêu cầu xem xét giải quyết tài sản nhưng không nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu nguyện vọng của anh H. Anh H vẫn có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác là phân chia tài sản sau khi ly hôn.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H phải nộp án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ vào Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Căn cứ vào: Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn H.

2. Về nuôi con chung chưa thành niên: Giao cho anh Nguyễn Văn H tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là Nguyễn Bùi H, sinh ngày 19/8/2005 và Nguyễn Huệ L, sinh ngày 13/12/2006. Chấp nhận chị Nguyễn Thị H nhận cấp dưỡng nuôi 02 con chung cùng anh H mỗi tháng là 2.000.000 đồng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con thành niên. Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0001431 ngày 10/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X; chị Nguyễn Thị H còn phải nộp tiếp 300.000đ.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện X;
- Chi cục THADS huyện X;
- UBND t X.
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Phạm Ngọc Long

